

Số: 75 /2012/TTLT-BTC-BXD-BNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2012

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh giá; Nghị định 75/2008/NĐ-CP ngày 9/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch; Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3, Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 2147/QĐ-TTg ngày 24/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia chống thất thoát, thất thu nước sạch đến năm 2025.

Bộ trưởng Bộ Tài chính; Bộ trưởng Bộ Xây dựng; Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn như sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định giá tiêu thụ nước sạch và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch để làm cơ sở cho các tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này lập, trình, phê duyệt phương án giá và quyết định giá tiêu thụ nước sạch thực hiện tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức có thẩm quyền lập, trình, thẩm định phương án giá và quyết định giá tiêu thụ nước sạch theo quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này; các đơn vị cấp nước thực hiện dịch vụ cấp nước trong lĩnh vực bán buôn, bán lẻ và các khách hàng sử dụng nước sạch.

Chương II

NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

Điều 3. Nguyên tắc xác định giá tiêu thụ nước sạch

1. Giá tiêu thụ nước sạch phải được tính đúng, tính đủ chi phí sản xuất hợp lý, giá thành toàn bộ trong quá trình sản xuất, phân phối, tiêu thụ (bao gồm cả chi phí duy trì đầu nối) để các đơn vị cấp nước duy trì và phát triển trên cơ sở các quy chuẩn, tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành và lợi nhuận định mức hợp lý của khối lượng nước thương phẩm do các tổ chức, cá nhân thực hiện một phần hoặc thực hiện tất cả các hoạt động khai thác, sản xuất, truyền dẫn, bán buôn và bán lẻ nước sạch (gọi tắt là đơn vị cấp nước) theo quy định của Quy chế tính giá do Nhà nước ban hành và hướng dẫn tại Thông tư này; phù hợp với quan hệ cung cầu về nước sạch và điều kiện phát triển kinh tế xã hội của đất nước, khu vực và thu nhập của người dân trong từng thời kỳ; Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đơn vị cấp nước và khách hàng sử dụng nước; Khuyến khích các đơn vị cấp nước sạch nâng cao chất lượng dịch vụ và phấn đấu giảm chi phí, giảm thất thoát, thất thu nước đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đồng thời khuyến khích khách hàng sử dụng nước tiết kiệm và khuyến khích các nhà đầu tư đầu tư vào hoạt động sản xuất, cung ứng và tiêu thụ nước sạch.

2. Giá tiêu thụ nước sạch của đơn vị cấp nước không phân biệt theo thành phần kinh tế; không phân biệt đối tượng sử dụng nước là tổ chức, cá nhân trong nước hay nước ngoài, nhưng được xác định cho từng mục đích sử dụng nước khác nhau như: nước dùng cho sinh hoạt của dân cư (có xét đến chính sách hỗ trợ cho các đối tượng sử dụng nước là các hộ nghèo thuộc các vùng đồng bào dân tộc và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, vùng biên giới theo tiêu chí quy định hiện hành của Nhà nước); nước dùng cho các cơ quan hành chính, tổ chức sự nghiệp; cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, phù hợp với đặc điểm tiêu dùng nước, nguồn nước và điều kiện sản xuất nước của từng vùng, từng địa phương, từng khu vực.

3. Giá tiêu thụ nước sạch được quy định theo nguyên tắc xác định giá quy định tại Khoản 1 Điều này theo đúng nguyên tắc, phương pháp xác định giá, đúng thẩm quyền và nằm trong khung giá hoặc giới hạn giá do Nhà nước quy định; nhưng phải phù hợp với chất lượng nước theo Quy chuẩn kỹ thuật hiện hành do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành.

4. Trường hợp giá tiêu thụ nước sạch do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định (hoặc phê duyệt) thấp hơn phương án giá nước sạch do các đơn vị cấp nước lập đã được Sở Tài chính thẩm định theo các nguyên tắc tính đúng, tính đủ quy định trên đây thì hàng năm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải xem xét, cấp bù từ ngân sách địa phương hoặc có cơ chế hỗ trợ hợp lý phù hợp với thẩm quyền và các quy định của pháp luật để bảo đảm cho các đơn vị sản xuất, cung ứng nước sạch bù đắp đủ chi phí, tiến hành sản xuất kinh doanh bình thường, trừ trường hợp nước sạch được sản xuất từ các dự án nước sạch được đầu tư theo phương thức BOT.

Điều 4. Nguyên tắc điều chỉnh giá

Hàng năm, khi các yếu tố cấu thành chi phí sản xuất, cung ứng nước sạch tính theo các nguyên tắc quy định tại Điều 3 và các phương pháp xác định tổng chi phí sản xuất quy định tại Điều 5 Thông tư này có biến động hoặc khi có sự thay đổi về công nghệ xử lý nước, quy chuẩn chất lượng dịch vụ; sự thay đổi về cơ chế chính sách của Nhà nước có liên quan làm giá thành tiêu thụ nước sạch tăng (hoặc giảm) thì cấp có thẩm quyền quyết định (hoặc phê duyệt) giá nước quy định tại Thông tư này phải xem xét điều chỉnh tăng (hoặc giảm) khung giá, mức giá tiêu thụ nước sạch cụ thể cho phù hợp.

Chương III

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

Điều 5. Phương pháp xác định tổng chi phí sản xuất, kinh doanh của sản phẩm nước sạch

1. Tổng chi phí sản xuất hợp lý, hợp lệ của sản phẩm nước sạch làm cơ sở để tính giá thành toàn bộ và tính giá 01 mét khối (m^3) nước sạch phải được tính cho sản lượng nước thương phẩm tương ứng trong kỳ tính toán theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật sản xuất nước sạch do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành, (không tính theo mức chi phí sản xuất bình quân thực tế của các đơn vị cấp nước trong tỉnh) bao gồm các chi phí sau:

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu
1	Chi phí vật tư trực tiếp	C_{vt}
2	Chi phí nhân công trực tiếp	C_{nc}
3	Chi phí sản xuất chung	C_{sxc}
4	Cộng chi phí sản xuất (1+2+3)	C_p
5	Chi phí quản lý doanh nghiệp	C_q
6	Chi phí bán hàng	C_b
	Tổng chi phí sản xuất, kinh doanh nước sạch (4+5+6)	C_t

2. Đối với nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp (bao gồm các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế - gọi tắt là khu công nghiệp), nội dung từng khoản chi phí được xác định như sau:

a) *Chi phí vật tư trực tiếp* bao gồm các chi phí nguyên, nhiên vật liệu, động lực sử dụng trực tiếp sản xuất ra sản phẩm như: các chi phí bằng tiền để chi trả khi mua nước sạch, nước thô (đối với các doanh nghiệp phải mua nước sạch, nước thô), điện, phèn, clo và các vật liệu phụ dùng cho công tác xử lý nước.

Chi phí vật tư trực tiếp được xác định bằng tổng khối lượng của từng loại vật tư sử dụng nhân (x) với đơn giá vật tư tương ứng; trong đó:

- Khối lượng vật tư sử dụng để sản xuất nước sạch áp dụng theo quy chuẩn, tiêu chuẩn định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất nước sạch do cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành. Đối với các loại vật tư đưa vào sản xuất chưa có quy chuẩn, tiêu chuẩn định mức kinh tế kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền công bố hoặc ban

hành thì Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc, giám đốc đơn vị cấp nước xây dựng định mức tính trong phương án giá tiêu thụ nước sạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

- Giá vật tư là giá mua thực tế theo giá do Nhà nước quy định hoặc thông báo giá, hướng dẫn giá tại thời điểm tính toán (đối với những loại vật tư Nhà nước còn quy định giá và quản lý giá theo các hình thức: đăng ký giá, kê khai giá, hiệp thương giá, công khai thông tin về giá) hoặc giá thị trường ghi trên hóa đơn theo quy định của pháp luật của người bán hàng tại thời điểm cần tính toán (đối với những vật tư không thuộc danh mục do Nhà nước quy định hoặc thông báo giá, hướng dẫn giá) cộng (+) với chi phí lưu thông hợp lý đến nơi sản xuất, cung ứng nước (nếu có).

b) *Chi phí nhân công trực tiếp* bao gồm các khoản chi phí bằng tiền mà các đơn vị cấp nước phải trả cho người lao động trực tiếp sản xuất như: tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp có tính chất lương, chi ăn ca, chi bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác theo quy định của công nhân trực tiếp sản xuất nước, trong đó:

- Chi phí tiền lương, tiền công được xác định bằng số lượng ngày công theo định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất nước sạch đo cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật công bố hoặc ban hành nhân (x) với đơn giá ngày công tương ứng (đơn giá ngày công bao gồm: tiền lương cơ bản, các khoản phụ cấp lương theo quy định của Nhà nước);

- Chi phí tiền ăn giữa ca (nếu có) cho người lao động tham gia vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Nhà nước;

- Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn và các khoản chi khác (nếu có) của công nhân trực tiếp sản xuất theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) *Chi phí sản xuất chung* là các khoản chi phí sản xuất gián tiếp (ngoài các chi phí vật tư trực tiếp và chi phí nhân công trực tiếp quy định tại điểm a, điểm b Khoản 2 Điều này) phát sinh ở các đơn vị sản xuất của doanh nghiệp bao gồm: khấu hao, sửa chữa tài sản cố định; chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ dùng cho phân xưởng; tiền lương, phụ cấp lương, tiền ăn giữa ca (nếu có) trả cho nhân viên phân xưởng; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn của cán bộ nhân viên phân xưởng; chi phí kiểm nghiệm tiêu chuẩn nước sạch, chi phí dịch vụ